

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HS-ST

Ngày 20-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vàng Xuân Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thắng; ông Lò Xuân Khánh.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2024/TLST-HS, ngày 14 tháng 8 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HS, ngày 06/9/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị A**; giới tính: Nữ; sinh ngày: 11/11/1994 tại T, Hà Tĩnh; nơi ĐKKHTT: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông Lê Văn T (không rõ năm sinh, địa chỉ) và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; có chồng là Nguyễn Việt Q, sinh năm 1989 và có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ 07/6/2024 đến ngày 16/6/2024 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L đến nay (có mặt tại phiên toà).

- Bị hại:

1. Ông Lê Xuân H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

2. Ông Lý Dâu T1, sinh năm 1993; địa chỉ: Bản L, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu (có mặt).

3. Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1986 (vắng mặt).

4. Bà Nhâm Thị T2, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: A Hẻm A B, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

5. Ông Phùng Văn T3, sinh năm 1992; địa chỉ: Bản X, xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

6. Bà Dương Thị Phương T4, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn kiếm tiền chi tiêu cá nhân, Lê Thị A nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức bán hàng trên mạng xã hội Facebook có tài khoản “Hai Sản Tươi Sống”. Do không có hàng hóa trên thực tế nên Anh lên mạng copy các hình ảnh, video cá Lìm Kim, cá cơm, bọ xít đen... sau đó sử dụng Facebook “Hai Sản Tươi Sống” đăng tải các hình ảnh thu thập được lên trang cá nhân và các hội nhóm buôn bán trên mạng xã hội facebook để tìm kiếm khách hàng. Khi có khách liên hệ với Anh qua tài khoản Facebook “Hai Sản T” hỏi mua các mặt hàng được đăng tải, Anh sẽ tư vấn và gửi hình ảnh, video về các sản phẩm và thỏa thuận giá mua rẻ hơn giá rao bán để tạo tâm lý với người mua. Khi khách đồng ý mua, thì Anh yêu cầu đặt cọc trước một khoản tiền gửi vào tài khoản ngân hàng V số 103874828988 hoặc tài khoản ngân hàng A2 số 907205298076 của A. Sau khi nhận được tiền cọc của khách, Anh không chuyển hàng cho khách như thỏa thuận đồng thời chặn liên lạc để chiếm đoạt số tiền khách hàng đã chuyển khoản và sử dụng chi dùng cá nhân hết. Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2024 đến tháng 5/2024, A đã 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 24/02/2024, Lê Xuân H, sinh năm 1992, trú tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa dùng tài khoản Facebook “Lê Hoàng H2” liên hệ với Lê Thị A qua tài khoản Facebook “Hai Sản Tươi Sống”, sau đó chuyển sang liên lạc qua Z thông qua tài khoản “Hải Bôn B” của H2 với tài khoản “Phương A1” được đăng ký bằng số điện thoại 0944.433.707 của A. Qua trao đổi, H2 đặt mua của Anh 20 kg cá L với giá 1.800.000 đồng/kg và chuyển số tiền cọc 12.000.000 đồng vào tài khoản số 103874828988 ngân hàng V của A. Sau khi nhận được tiền, Anh chặn liên lạc với H2 chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 01/7/2024, anh Lê Xuân H có đơn trình báo đến Công an tỉnh L về việc bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên.

Lần thứ hai: Ngày 20/4/2024, anh Lý Dầu T1, sinh năm 1993, trú tại bản L, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu dùng tài khoản Facebook “Nhì Nhất” liên hệ với Lê Thị A qua tài khoản Facebook “Hai Sản T”, T1 có đặt mua của Anh mặt hàng bọ xít đen với giá 3.300.000 đồng/kg. Ngày 22/4/2024, Anh nói có sẵn 05kg bọ xít đen và được T1 chuyển số tiền cọc 2.600.000 đồng vào tài khoản số

4907205298076 ngân hàng A2 của A. Sau đó, Anh nói có thêm hàng với số lượng 12kg và 15 kg bộ xít đen thì được T1 chuyển thêm số tiền cọc lần thứ 2 là 2.900.000 đồng, lần thứ 3 là 3.500.000 đồng vào tài khoản số 4907205298076 ngân hàng A2 của A. Sau khi nhận được tiền, Anh đổi tên Facebook là “P”, chặn liên lạc với T1 chiếm đoạt số tiền 9.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 24/5/2024, anh Lý Dâu T1 có đơn trình báo đến Công an tỉnh L về việc bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên.

Lần thứ ba: Ngày 14/5/2024, anh Hoàng Văn H1, sinh năm 1986 cùng vợ là Nhâm Thị T2, sinh năm 1988 cùng trú tại A Hẻm A B, phường K, quận T, thành phố Hà Nội dùng tài khoản Facebook “Thảo Vy” liên hệ với Lê Thị A qua tài khoản Facebook “Hai Sản Tươi Sống”, sau đó chuyển sang liên lạc qua Z thông qua tài khoản “Nhà Thuốc Thảo Vy” của T2 với tài khoản “Phương A1” được đăng ký bằng số điện thoại 0944.433.707 của A. Qua trao đổi, H1 và T2 đặt mua của Anh 9 tấn cá tạp, cá cơm với giá 6.000 đồng/1kg, T2 chuyển số tiền cọc 5.000.000 đồng vào tài khoản số 4907205298076 ngân hàng A2 của A. Sau khi nhận được tiền, Anh chặn liên lạc với T2 chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 01/7/2024, anh Hoàng Văn H1 có đơn trình báo đến Công an tỉnh L về việc bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên.

Lần thứ tư: Ngày 13/5/2024, anh Phùng Văn T3, sinh năm 1992, trú tại bản Xin Chải, xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu dùng tài khoản Facebook “Phùng Thao” liên hệ với Lê Thị A qua tài khoản Facebook “Hai Sản Tươi Sống”, sau đó chuyển sang liên lạc qua Z thông qua tài khoản “Phùng Thao” của T3 với tài khoản “Phương A1” được đăng ký bằng số điện thoại 0357.995.230 của A. Qua trao đổi, T3 đặt mua của Anh 05 kg bộ xít đen với giá 3.500.000 đồng/1kg. Ngày 15/5/2024 T3 chuyển số tiền cọc 2.000.000 đồng vào tài khoản số 4907205298076 ngân hàng A2 của A. Sau đó do A1 nói có thêm 02kg bộ xít đen nên T3 tiếp tục chuyển thêm số tiền cọc 1.500.000 đồng vào tài khoản số 4907205298076 ngân hàng A2 của A. Sau khi nhận được tiền, Anh chặn liên lạc với T3 chiếm đoạt số tiền 3.500.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 13/6/2024, anh Phùng Văn T3 có đơn trình báo đến Công an tỉnh L về việc bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên.

Lần thứ 5: Ngày 20/5/2024, chị Dương Thị Phương T4, sinh năm 1987, trú tại tổ B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu dùng tài khoản Facebook “Thảo P” liên hệ với Lê Thị A qua tài khoản Facebook “Hai Sản Tươi Sống”, sau đó chuyển sang liên lạc qua Z thông qua tài khoản “Phùng Thao” của T4 với tài khoản “Phương A1” được đăng ký bằng số điện thoại 0944.433.707 của A. Qua trao đổi, T4 đặt mua của Anh 05 kg bộ xít đen với giá 4.200.000 đồng/1kg. Đến ngày 24/5/2024, T4 chuyển số tiền cọc 3.000.000 đồng vào tài khoản số 4907205298076 ngân hàng A2 của A. Sau khi nhận được tiền, Anh chặn liên lạc với T4 chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 12/6/2024, chị Dương Thị Phương T4 có đơn trình báo đến Công an tỉnh L về việc bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên.

Bản Cáo trạng số: 62/CT-VKSLC-P1, ngày 13/8/2024 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Lai Châu, đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu để xét xử bị cáo Lê Thị A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; khoản 1, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử phạt bị cáo Lê Thị A từ 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2024. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình trả lại cho các 05 bị hại cụ thể: Lê Xuân H số tiền 12.000.000 đồng; Lý Dâu T1 số tiền 9.000.000 đồng; Hoàng Văn H1 số tiền 5.000.000 đồng; Phùng Văn T3 số tiền 3.500.000 đồng; Dương Thị Phương T4 số tiền 3.000.000 đồng. 05 bị hại đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu bị cáo Lê Thị A bồi thường gì khác, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C67 màu xanh đen (đã qua sử dụng), không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị cáo không bổ sung ý kiến, không tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất cho bị cáo được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã thể hiện đầy đủ lời khai, nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu quy kết: Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở khẳng định: Do không có tiền chi tiêu cá nhân, Lê Thị A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác thông qua hình thức lừa bán hàng trên mạng xã hội Facebook có tài khoản “Hai Sản Tươi Sống”. Sau khi có người đặt hàng và chuyển tiền đặt cọc cho Lê Thị A, thì Lê Thị Anh c liên lạc để chiếm đoạt số tiền khách hàng đã chuyển khoản. Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2024 đến tháng 5/2024, Lê Thị A đã 05 lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể: Anh Lê Xuân H số tiền 12.000.000 đồng; anh Lý Dâu T1 số tiền 9.000.000 đồng; anh Hoàng Văn H1 và chị Nhâm Thị T2 số tiền 5.000.000 đồng; anh Phùng Văn T3 số tiền 3.500.000 đồng; chị Dương Thị Phương T4 số tiền 3.000.000 đồng. Tổng số tiền Lê Thị A đã chiếm đoạt là 32.500.000 đồng.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng và quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Ngoài ra tại phiên tòa bị cáo thừa nhận quá trình điều tra, truy tố, lấy lời khai, viết các bản tự khai, bị cáo tự nguyện khai, không bị bức cung, dùng nhục hình. Lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có căn cứ khẳng định trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị ép cung, dùng nhục hình.

[5] Xét nhân thân và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thị A từ nhỏ được gia đình nuôi dưỡng, ăn học hết lớp 9, lớn lên lập gia đình, không có công việc ổn định và ở nhà nội trợ; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều thể hiện sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội, đã tác động gia đình để tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho những người bị hại đầy đủ số tiền đã

chiếm đoạt, những người bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử, xem xét áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử cần xem xét, áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe, phòng ngừa tội phạm chung, giữ gìn kỷ cương pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử, xem xét quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại thu giữ của Lê Thị A (*điện thoại di động nhãn hiệu Realme C67 màu xanh đen*), là công cụ dùng vào việc phạm tội, nên cần tuyên tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tác động gia đình trả lại cho 05 bị hại với tổng số tiền là 32.500.000 đồng, cả 05 bị hại đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Liên quan trong vụ án: Quá trình điều tra xác định, bị cáo Lê Thị A nhận tiền đặt cọc mua hàng của Nguyễn Văn M, sinh năm 1982, trú tại thôn G, xã Đ, huyện Ú, thành phố Hà Nội số tiền 103.000.000 đồng và Vi Văn T5, sinh năm 1994, trú tại thôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn số tiền 13.000.000 đồng. Tuy nhiên sau khi không có hàng gửi thì Lê Thị A đã trả lại số tiền đặt cọc trên cho Nguyễn Văn M và Vi Văn T5. Do đó, hành vi của Lê Thị A không cấu thành tội phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 328; Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Thị A 03 (ba) tháng 13 (mười ba) ngày tù. Thời hạn tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam (thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2024 đến ngày xét xử 20/9/2024). Tuyên bố trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

3. Xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu, hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C67 màu xanh đen (*Đã qua sử dụng*), không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong.

(Tình trạng vật chứng như mô tả chi tiết trong biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, được lập vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 8 năm 2024).

4. Bị cáo Lê Thị A phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu (PC02);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vàng Xuân Hiệp